

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 47

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

KHÁI QUÁT CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305173790 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 07 tháng 09 năm 2007 và thay đổi lần thứ hai mươi vào ngày 03 tháng 07 năm 2020.

Công ty có trụ sở chính tại số 14A Đường số 85, Khu phố 1, Phường Tân Quy, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (hoạt động chính);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Sản xuất thiết bị điện khác; Sản xuất thiết bị truyền thông; Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi phần mềm;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Điều hành tua du lịch;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu;
- Phá dỡ; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2021 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Ngọc Thạch	Chủ tịch	
Ông Đặng Nguyễn Ngọc Nam	Ủy viên	
Bà Trương Ngô Sen	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Ủy viên	
Ông Nguyễn Thanh Quang	Ủy viên	Từ nhiệm từ ngày 01/07/2021

Ban Kiểm soát

Bà Đinh Thị Hồng Vân	Trưởng ban	Bỏ nhiệm kể từ ngày 30/07/2021
Bà Ngô Thị Bé Vân	Trưởng ban	Từ nhiệm kể từ ngày 30/07/2021
Bà Ngô Thị Bé Vân	Thành viên	Bỏ nhiệm kể từ ngày 30/07/2021
Ông Nguyễn Việt Hùng	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đình Tân	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Nguyễn Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 04/01/2022 là Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên, phụ trách Ban Tài chính - Kế toán cho giai đoạn từ ngày 05/01/2022 đến ngày 06/02/2022 là Bà Phạm Thị Cúc, phụ trách Ban Tài chính - Kế toán cho giai đoạn từ ngày 07/02/2022 đến ngày 16/02/2022 là Ông Trần Quốc Tuấn, phụ trách Ban Tài chính - Kế toán cho giai đoạn từ ngày 17/02/2022 và cho đến ngày lập Báo cáo này là Bà Hồ Thị Ngọc Hà.

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Đình Tân.

Theo Giấy ủy quyền số 19/2021/GUQ-VPH ngày 25/06/2021, Ông Đặng Nguyễn Ngọc Nam - Phó Tổng Giám đốc được ủy quyền là người ký báo cáo tài chính này.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn UHY - Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm 2021. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hội đồng Quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Hội đồng Quản trị cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,



Trần Ngọc Thạch

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 21/03/2022, trình bày từ trang 08 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính của Ban Tổng Giám đốc.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi chưa thu thập được Báo cáo tài chính năm 2021 của các bên nhận đầu tư với tổng giá trị các khoản đầu tư là 6.792.603.100 đồng. Theo đó, chúng tôi cũng chưa có cơ sở để xem xét trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng của các khoản đầu tư tài chính này theo quy định tại ngày 31/12/2021, cũng như xác định những ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu khác có liên quan trên Báo cáo tài chính đính kèm.

Ngoài ra, số dư khoản mục “Hàng tồn kho” (Mã số 141) (Chi tiết “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”) tại ngày 01/01/2021 bao gồm chi phí bảo hành phát sinh trong năm 2020 với số tiền là 12.447.461.540 đồng và được Công ty ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2021. Nếu Công ty ghi nhận đúng kỳ vào năm 2020, chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (Mã số 60) trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2020 sẽ giảm đi một khoản tương ứng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Tại ngày 31/12/2020 và 31/12/2021, Công ty chưa trích lập đầy đủ dự phòng phải thu khó đòi theo quy định, giá trị cần trích lập dự phòng bổ sung tại ngày 31/12/2021 là 4.771.096.800 đồng. Nếu trích lập dự phòng đầy đủ, lợi nhuận chưa phân phối lũy kế tại ngày 31/12/2021 sẽ giảm đi một khoản tương ứng.

Tại ngày 31/12/2021, Công ty đã ghi nhận chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của một số dự án tại chỉ tiêu "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" với giá trị là 89.686.122.272 đồng, đồng thời Công ty đã ghi nhận tiền ứng trước từ các Chủ đầu tư của các dự án trên tại chỉ tiêu "Người mua trả tiền trước" là 42.189.436.426 đồng. Công ty đã ghi nhận toàn bộ phần nghiệm thu với các Nhà thầu phụ như đã nêu trên nhưng chưa tiến hành nghiệm thu tương ứng để ghi nhận doanh thu với các Chủ đầu tư. Ngoài ra, giá trị quyết toán của các Nhà thầu phụ đang cao hơn so với giá trị ghi nhận trên sổ sách là 5.883.627.894 đồng chưa rõ nguyên nhân. Do đó, chúng tôi không có đủ cơ sở để đánh giá các khoản mục này đã được trình bày đầy đủ về giá trị, đúng kỳ và hợp lý hay chưa cũng như xác định những ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính đính kèm.

Bên cạnh đó, tại ngày 31/12/2020 và 31/12/2021, Công ty cũng chưa tính toán và ghi nhận chi phí bảo hành của các hợp đồng đã hoàn thành với khách hàng nhưng còn thời hạn bảo hành vào chi phí trong năm. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi cũng chưa có cơ sở để đánh giá được giá trị khoản chi phí này và những ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề nào khác khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính này tại ngày 23/03/2021, đồng thời có đoạn vấn đề cần nhấn mạnh về nội dung: "Đến thời điểm 31/12/2020, Công ty có khoản chi bảo hành đối với các hợp đồng cung ứng và lắp đặt tủ điện RMU số tiền 12.447.461.540 VND đang trong quá trình đàm phán với nhà cung cấp về trách nhiệm của mỗi bên nên chưa ghi vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm".



Phan Thanh Điền

Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán

số: 1496-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY – CHI NHÁNH TẠI TP.HCM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2022

Nguyễn Thị Tuyết Hoa

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán

số: 3558-2021-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2021 VND	Tại 01/01/2021 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		216.424.224.123	309.368.013.737
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	23.418.003.369	20.621.761.421
Tiền	111		3.118.003.369	18.166.761.421
Các khoản tương đương tiền	112		20.300.000.000	2.455.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	3.394.000.000	3.394.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.394.000.000	3.394.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		63.504.530.430	145.953.414.725
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	55.417.872.321	104.170.252.227
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	10.209.818.066	21.082.860.209
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	6.252.169.841	25.389.274.232
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(8.375.329.798)	(4.688.971.943)
Hàng tồn kho	140	11	125.698.755.275	137.731.092.222
Hàng tồn kho	141		125.698.755.275	137.731.092.222
Tài sản ngắn hạn khác	150		408.935.049	1.667.745.369
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.550.322.616
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	408.935.049	117.422.753
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		119.483.923.639	123.227.409.354
Các khoản phải thu dài hạn	210		32.209.861.837	32.277.478.161
Phải thu dài hạn khác	216	9	32.209.861.837	32.277.478.161
Tài sản cố định	220		33.741.036.564	12.943.110.991
Tài sản cố định hữu hình	221	13	22.130.999.014	12.868.394.489
- Nguyên giá	222		40.144.241.747	27.784.028.841
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.013.242.733)	(14.915.634.352)
Tài sản cố định vô hình	227	14	11.610.037.550	74.716.502
- Nguyên giá	228		11.967.653.000	309.653.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(357.615.450)	(234.936.498)
Tài sản dở dang dài hạn	240		43.260.483.447	67.624.029.320
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	43.260.483.447	67.624.029.320
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	10.116.603.100	10.116.603.100
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.500.000.000	4.500.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.616.603.100	5.616.603.100
Tài sản dài hạn khác	260		155.938.691	266.187.782
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	155.938.691	266.187.782
TỔNG TÀI SẢN	270		335.908.147.762	432.595.423.091

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2021	Tại 01/01/2021
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		121.232.466.429	213.349.017.871
Nợ ngắn hạn	310		121.232.466.429	213.349.017.871
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	27.928.290.198	54.344.260.071
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	57.916.345.652	48.149.321.226
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	1.507.591.788	56.103.572
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	12.125.872.967	11.518.074.463
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	18.326.781.014	19.800.561.199
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	3.302.944.978	79.179.557.508
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		124.639.832	301.139.832
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		214.675.681.333	219.246.405.220
Vốn chủ sở hữu	410	22	214.675.681.333	219.246.405.220
Vốn góp của chủ sở hữu	411		236.081.650.000	236.081.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		236.081.650.000	236.081.650.000
Cổ phiếu quỹ	415		(19.700.000.000)	(19.700.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.803.514.172	1.803.514.172
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(3.509.482.839)	1.061.241.048
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.061.241.048	923.242.461
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(4.570.723.887)	137.998.587
TỔNG NGUỒN VỐN	440		335.908.147.762	432.595.423.091

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Uyen

Lê Uyên

Phụ trách Ban Tài chính -
Kế toán

Han

Hồ Thị Ngọc Hà



Phó Tổng Giám đốc

Đặng Nguyễn Ngọc Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	121.377.250.930	180.676.994.253
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		121.377.250.930	180.676.994.253
Giá vốn hàng bán	11	25	125.986.679.944	176.103.359.818
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(4.609.429.014)	4.573.634.435
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	6.470.213.019	1.719.518.940
Chi phí tài chính	22	27	73.669.090	755.874.879
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		54.408.718	234.755.365
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	7.115.382.312	4.564.240.199
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.328.267.397)	973.038.297
Thu nhập khác	31	29	777.454.786	774.950.747
Chi phí khác	32	30	19.911.276	1.595.259.332
Lợi nhuận khác	40		757.543.510	(820.308.585)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(4.570.723.887)	152.729.712
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	-	14.731.125
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(4.570.723.887)	137.998.587
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	(211)	6
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	33	(211)	6

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu



Lê Uyên

Phụ trách Ban Tài chính
Kế toán



Hồ Thị Ngọc Hà

Phó Tổng Giám đốc



Đặng Nguyễn Ngọc Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		175.192.940.963	234.115.963.786
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02		(128.859.684.523)	(287.252.211.607)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(8.805.878.415)	(11.159.354.267)
Tiền lãi vay đã trả	04		(54.408.718)	-
Thuế TNDN đã nộp	05		(282.440.449)	(2.898.897.084)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		22.674.864.073	1.452.589.256
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(4.676.236.148)	(20.386.661.819)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		55.189.156.783	(86.128.571.735)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(7.185.978.443)
Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(2.000.000.000)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.339.697.695	1.529.181.692
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		6.339.697.695	(7.656.796.751)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		16.782.742.492	106.434.127.172
Tiền trả nợ gốc vay	34		(73.839.355.022)	(33.150.628.101)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.676.000.000)	(10.743.850.110)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(58.732.612.530)	62.539.648.961
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		2.796.241.948	(31.245.719.525)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	20.621.761.421	51.867.480.946
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	23.418.003.369	20.621.761.421

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Uyen

Lê Uyên

Phụ trách Ban Tài chính
Kế toán

Hau

Hồ Thị Ngọc Hà

Phó Tổng Giám đốc



Đặng Nguyễn Ngọc Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305173790 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 07 tháng 09 năm 2007 và thay đổi lần thứ hai mươi vào ngày 03 tháng 07 năm 2020.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 236.081.650.000 đồng, được chia thành 23.608.165 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty có trụ sở chính tại 14A Đường số 85, Khu phố 1, Phường Tân Quy, Quận 7, TP.HCM.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ và xây lắp.

1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (hoạt động chính);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Sản xuất thiết bị điện khác; Sản xuất thiết bị truyền thông; Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi phần mềm;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Điều hành tua du lịch;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu;
- Phá dỡ; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (TIẾP)**

- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là thương mại, dịch vụ và xây lắp. Theo đó:

- Hoạt động thương mại có chu kỳ kinh doanh ngắn ngày và quay vòng thường xuyên, liên tục nhiều lần trong năm.
- Hoạt động dịch vụ và xây lắp thông thường có chu kỳ kinh doanh trong dài ngày hoặc qua nhiều kỳ kinh doanh.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là thương mại, dịch vụ và xây lắp. Theo đó giá thị trường biến động của các loại vật tư sẽ ảnh hưởng đến chi phí đầu vào và doanh thu của Công ty. Bên cạnh đó, việc thực hiện tiết kiệm chi phí phù hợp cũng làm ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

1.6 CẤU TRÚC CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty không có Công ty con và các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc.

Công ty có một Công ty liên kết như được nêu tại mục 6 của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty đã được kiểm toán.

Một số chỉ tiêu so sánh đã được trình bày lại như được nêu tại thuyết minh số 37 của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 KỶ KẾ TOÁN NĂM**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN (TIẾP)**2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài Chính ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông Tư 200.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiếp)***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Cty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

4.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian hữu dụng ước tính của tài sản.

Thời gian khấu hao của tài sản như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 06

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất lâu dài và phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, thời gian sử dụng ước tính là 03 năm.

4.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn là những chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước của Công ty bao gồm chi phí trả trước dài hạn là chi phí công cụ dụng cụ. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian từ 24 tháng đến 36 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.10 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.11 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.12 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.12 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)****Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu của hợp đồng xây dựng bao gồm:

- Doanh thu ban đầu được ghi trong hợp đồng;
- Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Ghi nhận doanh thu của hợp đồng xây dựng theo 1 trong 2 trường hợp sau:

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hoá đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hoá đơn là bao nhiêu;
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hoá đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn;
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn

Chi phí được ghi nhận theo nguyên tắc thận trọng, được tập hợp theo thực tế phát sinh, phù hợp với doanh thu và đúng kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.14 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: thương mại, dịch vụ tư vấn và xây lắp.

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, không có sự khác biệt về hoạt động kinh doanh của Công ty theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

4.15 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.15 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là Tổng Công ty Điện lực TP.HCM TNHH, các Công ty trực thuộc Tổng Công ty, các Công ty con, Công ty liên kết do Tổng Công ty đầu tư và chi phối, Công ty liên kết của Công ty, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2021	Tại 01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	64.182.270	2.755.600.126
Tiền gửi ngân hàng	3.053.821.099	15.411.161.295
Các khoản tương đương tiền (*)	20.300.000.000	2.455.000.000
Cộng	23.418.003.369	20.621.761.421

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 03 tháng trở xuống tại các ngân hàng thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Tại 31/12/2021		Tại 01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.394.000.000	3.394.000.000	3.394.000.000	3.394.000.000
<i>Ngắn hạn</i>	<i>3.394.000.000</i>	<i>3.394.000.000</i>	<i>3.394.000.000</i>	<i>3.394.000.000</i>
Tiền gửi có kỳ hạn (1)	3.394.000.000	3.394.000.000	3.394.000.000	3.394.000.000
- NHTMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Chiểu	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
- NHTMCP Phương Đông - CN Phú Lâm	1.394.000.000	1.394.000.000	1.394.000.000	1.394.000.000
<i>Dài hạn</i>	-	-	-	-

(1) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 6 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 3,7%/năm đến 7,1%/năm.

	Tại 31/12/2021			Tại 01/01/2021		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	10.116.603.100	-	10.116.603.100	10.116.603.100	-	10.116.603.100
<i>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i>	<i>4.500.000.000</i>	-	<i>4.500.000.000</i>	<i>4.500.000.000</i>	-	<i>4.500.000.000</i>
- Công ty Cổ phần Ba An - Tradincorp (2)	4.500.000.000	-	4.500.000.000	4.500.000.000	-	4.500.000.000
<i>Đầu tư vào đơn vị khác</i>	<i>5.616.603.100</i>	-	<i>5.616.603.100</i>	<i>5.616.603.100</i>	-	<i>5.616.603.100</i>
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện lực Việt Nam (3)	1.200.000.000	-	1.200.000.000	1.200.000.000	-	1.200.000.000
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (4)	3.324.000.000	-	3.324.000.000	3.324.000.000	-	3.324.000.000
- Công ty TNHH Công nghệ mới Việt - Nga (5)	500.000.000	-	500.000.000	500.000.000	-	500.000.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện lực TP.HCM (6)	592.603.100	-	592.603.100	592.603.100	-	592.603.100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(2) Năm 2012, Công ty góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Ba An - Tradincorp, tỷ lệ sở hữu 30% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Ba An - Tradincorp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311516012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/02/2012 và thay đổi lần thứ nhất ngày 07/01/2013. Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, kinh doanh dịch vụ với các ngành nghề chính như: Xây dựng công trình công ích, bán buôn chuyên doanh khác, sản xuất sản phẩm từ Plastic.

(3) Khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện lực Việt Nam với số lượng cổ phần sở hữu tại ngày 31/12/2021 là 120.000 cổ phần

(4) Khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh với số lượng cổ phần sở hữu tại ngày 31/12/2021 là 300.000 cổ phần tương đương với quyền biểu quyết là 0,07%.

(5) Khoản đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Công nghệ mới Việt – Nga với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết là 10%. Công ty này đã tạm ngừng hoạt động từ ngày 30/12/2020 đến ngày 30/06/2021 theo Thông báo số 07/TB-CNM về việc tạm ngừng kinh doanh do không còn kinh phí hoạt động.

(6) Khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện lực TP.HCM với số lượng cổ phần sở hữu tại ngày 31/12/2021 là 65.141 cổ phần tương đương với quyền biểu quyết là 19,16%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2021		Tại 01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	55.417.872.321	(4.747.712.078)	104.170.252.227	(1.679.521.931)
- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TP.HCM TNHH - BQLDA Lưới điện phân phối TP.HCM	2.538.288.112	-	4.549.575.136	-
- Công ty TNHH Sản xuất tủ bảng điện Hải Nam	6.634.824.000	-	6.634.824.000	-
- Tổng Công ty Điện lực TP.HCM TNHH	5.189.162.120	-	5.189.162.120	-
- Công ty TNHH Một Thành Viên Khu Bắc Thủ Thiêm	10.337.138.114	-	-	-
- Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Thịnh Thiên	8.142.667.107	-	-	-
- Công ty Cổ phần Ba An	-	-	15.309.371.000	-
- Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân - Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty CP	-	-	8.684.256.159	-
- Công ty TNHH KT Điện tự động An Trí Việt	-	-	24.883.269.172	-
- Phải thu của khách hàng khác	22.575.792.868	(4.747.712.078)	38.919.794.640	(1.679.521.931)
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-	-	-
Phải thu của khách hàng là bên liên quan	13.167.575.545	-	29.145.865.306	-

(Xem chi tiết tại mục 36 Thuyết minh Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2021		Tại 01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	10.209.818.066	-	21.082.860.209	-
- Công ty CP Kỹ thuật CN và XD Techcon	1.935.860.000	-	3.135.860.000	-
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện lực TP.HCM	838.691.981	-	2.851.975.939	-
- Công ty TNHH KD Xây dựng điện Bảo Nguyên	-	-	1.968.092.074	-
- Công ty CP Nam Đô Group	-	-	7.821.264.223	-
- Công ty CP Điện Trường Giang	-	-	2.552.921.225	-
- Công ty TNHH Cấp Taihan Vina	1.744.759.538	-	-	-
- Công ty TNHH TMSX Dây & Cáp điện Đại Long	852.600.000	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	4.837.906.547	-	2.752.746.748	-
Trả trước cho người bán dài hạn	-	-	-	-
Trả trước cho người bán là bên liên quan	35.766.114	-	251.877.394	-
- CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - TT Điều độ HT điện TP.HCM	27.316.354	-	27.316.354	-
- Công ty CP Điện cơ	8.449.760	-	224.561.040	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2021		Tại 01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	6.252.169.841	(3.627.617.720)	25.389.274.232	(3.009.450.012)
- Tạm ứng	850.000.000	-	-	-
- Bảo hiểm xã hội	5.990.073	-	5.990.073	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	2.178.193	-	2.178.193	-
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	108.027.271	-	-	-
- Công ty TNHH Đầu tư XD TM Vạn Phước (1)	-	-	15.293.034.818	-
- Công ty CP TST Engineering (phải thu khác)	1.705.915.923	(1.705.915.923)	1.705.915.923	(1.535.324.331)
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ PTN	1.179.061.489	(1.179.061.489)	1.179.061.489	(1.061.155.341)
- Công ty TNHH Nam Long	412.970.340	(412.970.340)	412.970.340	(412.970.340)
- Kho Bạc Nhà nước TP.HCM	338.221.078	-	285.145.466	-
- Công ty CP Dịch Vụ Kỹ Thuật DELTATECH	313.792.920	(313.792.920)	-	-
- Công ty TNHH TM Thái Sơn Nam	15.877.048	(15.877.048)	-	-
- Ký quỹ ký cược ngắn hạn	-	-	5.633.628.924	-
- Phải thu khác	1.320.135.506	-	871.349.006	-
Dài hạn	32.209.861.837	-	32.277.478.161	-
- Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn TNHH MTV (2)	31.122.853.312	-	31.122.853.312	-
- Ký quỹ ký cược dài hạn	1.087.008.525	-	1.154.624.849	-
Cộng	38.462.031.678	(3.627.617.720)	57.666.752.393	(3.009.450.012)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. PHẢI THU KHÁC (TIẾP)

(1) Ngày 22/03/2010, Công ty ký hợp đồng nguyên tắc số 168/HĐ-Tradin-BDS hợp tác đầu tư dự án Khu Dân cư Thị trấn Tân Túc, Huyện Bình Chánh, TP.HCM và ngày 15/11/2011, Công ty ký hợp đồng số 953/HĐHT/TTB hợp tác đầu tư Dự án Chính trang khu dân cư dọc Đường Tân Túc, Huyện Bình Chánh, TP.HCM với Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Vạn Phước. Theo Nghị quyết số 55B/NQ-TRADIN-HĐQT.III ngày 02/11/2020, Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định chấp thuận phương án thoái vốn bằng tiền hai hợp đồng liên quan đến Dự án Tân Túc nêu trên với tổng giá trị cả gốc và lãi không thấp hơn 37 tỷ đồng. Căn cứ Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 03/11/2020 giữa Công ty và Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Vạn Phước, hai bên đồng ý chấm dứt hiệu lực hai hợp đồng nêu trên, trong đó Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Vạn Phước hoàn trả cho Công ty tổng số tiền là 37 tỷ đồng. Đến tháng 04/2021, Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Vạn Phước đã thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên.

(2) Ngày 17/01/2013, Công ty ký hợp đồng hợp tác thực hiện dự án “Tổ máy phát điện chạy bằng sức gió, hai hệ cánh đồng trục InS-W-1000” với Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV. Tổng mức đầu tư dự án được phê duyệt là 163.753.231.889 đồng, trong đó nguồn kinh phí từ ngân sách do Sở Khoa học và Công nghệ cấp là 43.926.000.000 đồng, nguồn vốn thực hiện dự án do hai bên góp là 105.290.000.000 đồng, mỗi bên đóng góp 50% tương ứng 52.645.000.000 đồng.

Cũng theo thỏa thuận trong hợp đồng, hai bên sẽ cùng thành lập Ban Quản lý dự án để thực hiện toàn bộ các công việc liên quan tới dự án. Sau khi dự án hoàn thành và có chuyển nhượng 3 tổ máy phát điện gió, hai bên sẽ thu hồi vốn đầu tư của mỗi bên, phần còn lại (kể cả nguồn kinh phí hỗ trợ của Ngân sách Khoa học) sẽ được hai bên đồng thụ hưởng theo tỷ lệ góp vốn và được tái sử dụng cho giai đoạn 2 - giai đoạn tiếp nhận công nghệ, sản xuất và kinh doanh máy phát điện gió. Hiện tại, dự án vẫn đang trong giai đoạn lắp ráp, hoàn chỉnh và chạy thử nghiệm.

Ngày 07/02/2020, Công ty đã có Công văn số 0054/CV-TRADIN-QLDA gửi Phó Chủ tịch Thường trực UBND TP.HCM về việc xin dừng góp vốn các giai đoạn tiếp theo của dự án do điều kiện bất khả kháng, trong đó phần góp vốn của Công ty chỉ giới hạn trong số tiền đã góp cho dự án, cho phép Công ty được thoái vốn cho dự án nếu có đơn vị đồng ý nhận chuyển giao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. NỢ XẤU

	Tại 31/12/2021			Tại 01/01/2021		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Khoản phải thu ngắn hạn quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	8.935.420.991	(8.375.329.798)	560.091.193	6.206.080.964	(4.688.971.943)	1.517.109.021
<i>Công ty CP Xây dựng Hoàng Long</i>	<i>495.079.008</i>	<i>(495.079.008)</i>	<i>-</i>	<i>495.079.008</i>	<i>(495.079.008)</i>	<i>-</i>
<i>Công ty CP Xây lắp Toàn Trung</i>	<i>134.264.750</i>	<i>(134.264.750)</i>	<i>-</i>	<i>134.264.750</i>	<i>(134.264.750)</i>	<i>-</i>
<i>Công ty CP TST Engineering (phải thu khách hàng)</i>	<i>160.773.338</i>	<i>(160.773.338)</i>	<i>-</i>	<i>160.773.338</i>	<i>(160.773.338)</i>	<i>-</i>
<i>Công ty CP TST Engineering (phải thu khác)</i>	<i>1.705.915.923</i>	<i>(1.705.915.923)</i>	<i>-</i>	<i>1.705.915.923</i>	<i>(1.535.324.331)</i>	<i>170.591.592</i>
<i>Công ty Cổ phần Địa ốc Bình Tân</i>	<i>350.000.000</i>	<i>(350.000.000)</i>	<i>-</i>	<i>350.000.000</i>	<i>(350.000.000)</i>	<i>-</i>
<i>Trung tâm Điện thoại SPT- Công ty CP Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn</i>	<i>1.668.016.116</i>	<i>(1.638.016.116)</i>	<i>30.000.000</i>	<i>1.768.016.116</i>	<i>(539.404.835)</i>	<i>1.228.611.281</i>
<i>Công ty TNHH Xây dựng Số 9</i>	<i>1.314.603.549</i>	<i>(1.314.603.549)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Công ty CP Công trình Cầu Phà TP.HCM</i>	<i>872.856.200</i>	<i>(436.428.100)</i>	<i>436.428.100</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Công ty TNHH Nam Long</i>	<i>412.970.340</i>	<i>(412.970.340)</i>	<i>-</i>	<i>412.970.340</i>	<i>(412.970.340)</i>	<i>-</i>
<i>Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ PTN</i>	<i>1.179.061.489</i>	<i>(1.179.061.489)</i>	<i>-</i>	<i>1.179.061.489</i>	<i>(1.061.155.341)</i>	<i>117.906.148</i>
<i>Công ty CP DV Kỹ thuật DELTATECH</i>	<i>313.792.920</i>	<i>(313.792.920)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Công ty CP Đầu tư BĐS Bảo Long</i>	<i>276.210.310</i>	<i>(193.347.217)</i>	<i>82.863.093</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Các khoản nợ phải thu khác</i>	<i>51.877.048</i>	<i>(41.077.048)</i>	<i>10.800.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2021		Tại 01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	29.108.773	-	29.108.773	-
Công cụ dụng cụ	33.747.240	-	51.767.425	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	121.038.719.249	-	135.113.760.563	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang Thương mại	1.827.404.042	-	13.433.898.035	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang Ban Quản lý dự án	520.268.422	-	12.745.590.221	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tư vấn	9.024.348.646	-	9.291.911.095	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang Ban KH	149.803.420	-	-	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang BP Tổ xây dựng mới	1.563.131.176	-	734.474.198	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang Xây lắp	107.953.763.543	-	98.907.887.014	-
Hàng hoá	4.597.180.013	-	2.536.455.461	-
Cộng	125.698.755.275	-	137.731.092.222	-

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2021	Tại 01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	-	-
Dài hạn	155.938.691	266.187.782
- Công cụ dụng cụ	155.938.691	266.187.782
Cộng	155.938.691	266.187.782

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại 01/01/2021	-	27.389.016.805	395.012.036	27.784.028.841
- Tạm tăng tài sản từ đầu tư XDCB (*)	12.360.212.906	-	-	12.360.212.906
Tại 31/12/2021	12.360.212.906	27.389.016.805	395.012.036	40.144.241.747
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại 01/01/2021	-	(14.562.473.225)	(353.161.127)	(14.915.634.352)
- Khấu hao trong năm	(362.566.247)	(2.728.066.984)	(6.975.150)	(3.097.608.381)
Tại 31/12/2021	(362.566.247)	(17.290.540.209)	(360.136.277)	(18.013.242.733)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2021	-	12.826.543.580	41.850.909	12.868.394.489
Tại 31/12/2021	11.997.646.659	10.098.476.596	34.875.759	22.130.999.014

(*) Tạm tăng tài sản cố định hữu hình theo Kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng nhà văn phòng tại thửa đất số 180, tờ bản đồ số 4B, Phường Tân Quy, Quận 7, TP.HCM do Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh là chủ đầu tư.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 1.467.126.141 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2021	-	309.653.000	309.653.000
- Tạm tăng tài sản từ đầu tư XDCB (*)	11.658.000.000	-	11.658.000.000
Tại 31/12/2021	11.658.000.000	309.653.000	11.967.653.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Tại 01/01/2021	-	(234.936.498)	(234.936.498)
- Khấu hao trong năm	-	(122.678.952)	(122.678.952)
Tại 31/12/2021	-	(357.615.450)	(357.615.450)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2021	-	74.716.502	74.716.502
Tại 31/12/2021	11.658.000.000	(47.962.450)	11.610.037.550

(*) Quyền sử dụng lâu dài thừa đất số 180, tờ bản đồ số 4B, diện tích 164 m² tại địa chỉ số 432/10, Khu phố 1, Đường số 85, Phường Tân Quy, Quận 7, TP.HCM.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 148.400.000 đồng.

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Tại 31/12/2021 VND	Tại 01/01/2021 VND
- Dự án công trình 432B/10 Đường 85, Tổ 3, Khu phố 1, Phường Tân Quy, Quận 7, TP.HCM	25.391.677.273	25.218.950.000
- Dự án công trình số 14A, Đường số 85, Phường Tân Quy, Quận 7, TP.HCM	386.609.091	24.018.212.906
- Dự án Lương Định Của	17.220.045.384	17.220.045.384
- Dự án Sản xuất thử nghiệm Điện Gió	262.151.699	262.151.699
- Dự án Tân Túc	-	904.669.331
Cộng	43.260.483.447	67.624.029.320

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2021		Tại 01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	27.928.290.198	27.928.290.198	54.344.260.071	54.344.260.071
- Công ty TNHH Thiết bị điện Sang Trọng	1.678.295.000	1.678.295.000	1.678.295.000	1.678.295.000
- Công ty CP Dây cáp điện Việt Thái	4.868.605.000	4.868.605.000	463.650.000	463.650.000
- Công ty TNHH Công nghệ Việt Phan	1.198.225.434	1.198.225.434	-	-
- Công ty TNHH Hợp Đức Phát	8.125.541.565	8.125.541.565	-	-
- Công ty TNHH Tiến Thông	-	-	6.163.409.549	6.163.409.549
- Công ty TNHH Trao đổi Hoàn cầu	-	-	10.084.547.000	10.084.547.000
- Tổng Công ty CP Công trình Viettel	-	-	18.778.763.080	18.778.763.080
- Công ty TNHH Thương mại Và Dịch vụ An Phú Vĩnh	-	-	5.022.820.000	5.022.820.000
- Phải trả nhà cung cấp khác	12.057.623.199	12.057.623.199	12.152.775.442	12.152.775.442
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan	775.276.631	775.276.631	775.276.631	775.276.631
- Tổng Công ty Điện lực TP.HCM TNHH	492.423.508	492.423.508	492.423.508	492.423.508
- CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Cty Điện lực Tân Thuận	26.117.023	26.117.023	26.117.023	26.117.023
- Công ty CP Ba An	166.296.900	166.296.900	166.296.900	166.296.900
- Công ty CP Ba An - Tradincorp	90.439.200	90.439.200	90.439.200	90.439.200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Tại 31/12/2021	Tại 01/01/2021
	VND	VND
Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn	57.916.345.652	48.149.321.226
- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TP.HCM TNHH - BQLDA Lưới điện phân phối TP.HCM	-	6.802.575.531
- Công ty Cổ phần IMG Phước Đông	4.217.528.606	94.036.364
- Công ty TNHH MTV Ánh sáng HBM	7.060.096.080	3.860.096.080
- Công ty TNHH MTV Công nghệ xanh HBM	7.740.780.027	4.540.780.027
- Công ty TNHH MTV ĐT Công nghệ xanh HBM	7.060.096.080	3.860.096.080
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật HBM	7.740.780.027	4.540.780.027
- Công ty TNHH MTV ĐT Năng Lượng HBM Long An	6.120.030.546	3.300.030.546
- Công ty TNHH MTV ĐT Solar HBM	6.467.653.666	3.267.653.666
- Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân - Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty CP	-	9.781.000.000
- Người mua trả tiền trước khác	11.509.380.620	8.102.272.905
Các khoản người mua trả tiền trước dài hạn	-	-
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	1.035.813.798	9.413.485.160

(Xem chi tiết tại mục 36 Thuyết minh Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại 31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	56.103.572	3.327.492.326	1.876.004.110	1.507.591.788
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	56.103.572	3.014.482.706	1.562.994.490	1.507.591.788
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	286.770.483	286.770.483	-
- Thuế xuất nhập khẩu	-	23.239.137	23.239.137	-
- Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	117.422.753	247.595.545	539.107.841	408.935.049
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	85.268.875	-	282.440.449	367.709.324
- Thuế thu nhập cá nhân	32.153.878	247.595.545	256.667.392	41.225.725

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Tại 31/12/2021	Tại 01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	12.125.872.967	11.518.074.463
- Chi phí trích trước - Kinh doanh thương mại	1.465.524.924	1.101.322.771
- Chi phí trích trước - Tư vấn thiết kế	1.294.881.388	501.578.273
- Chi phí trích trước phí nhân công dự án Công ty TNHH Tiến Thông	150.303.420	250.000.000
- Chi phí trích trước - Dự án Hệ thống Pin năng lượng mặt trời An Trí Việt	902.283.709	1.149.125.518
- Chi phí trích trước - Dự án Hệ thống Pin năng lượng mặt trời Tân Phát	533.591.882	7.537.148.841
- Chi phí trích trước - Dự án Hệ thống năng lượng mặt trời Vĩnh Tân	295.296.783	-
- Chi phí trích trước - Dự án Thủy lợi Đồng Nai	243.552.002	-
- Chi phí trích trước - Dự án Trung tâm lưu trữ TP. Hồ Chí Minh	67.107.071	70.000.000
- Chi phí trích trước - Chung cư Bình Chiểu Lô 1	19.735.704	19.735.704
- Chi phí trích trước - Dự án Thành phố Đế Vương	19.272.435	-
- Chi phí trích trước - Dự án CO.OP Cần Giuộc	16.600.000	-
- Chi phí trích trước - Dự án khác	262.421.888	254.052.066
- Chi phí trích trước - Xây lắp	6.855.301.761	635.111.290
Dài hạn	-	-
Cộng	12.125.872.967	11.518.074.463

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 31/12/2021	Tại 01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	18.326.781.014	19.800.561.199
- Bảo hiểm y tế	15.181.724	15.181.724
- Cổ tức phải trả cho các cổ đông	18.167.865.863	19.636.938.363
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	143.733.427	148.441.112
Dài hạn	-	-
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Cộng	18.326.781.014	19.800.561.199

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Tại 31/12/2021		Trong năm		Tại 01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (VND)	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (VND)
Vay, nợ thuê tài chính ngắn hạn	3.302.944.978	3.302.944.978	16.782.742.492	92.659.355.022	79.179.557.508	79.179.557.508
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-	-	1.242.015.796	1.242.015.796	1.242.015.796
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (*)	3.302.944.978	3.302.944.978	16.782.742.492	59.688.859.226	46.209.061.712	46.209.061.712
- Ngân hàng TMCP Quân Đội	-	-	-	4.308.480.000	4.308.480.000	4.308.480.000
- Công ty CP IMG Phước Đông	-	-	-	18.820.000.000	18.820.000.000	18.820.000.000
- Vay cá nhân	-	-	-	8.600.000.000	8.600.000.000	8.600.000.000
Vay, nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	3.302.944.978	3.302.944.978	16.782.742.492	92.659.355.022	79.179.557.508	79.179.557.508

(*) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/6752458/HĐTD ngày 04/06/2020 và VBSĐBS HĐTD-PL01 ngày 25/12/2020. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C,... Hạn mức tín dụng 130.000.000.000 đồng. Trong đó dư nợ vay tối đa 65.000.000.000 đồng. Thời hạn vay và lãi suất sẽ được quy định cụ thể theo từng hợp đồng vay. Tài sản đảm bảo: không có tài sản đảm bảo, trong trường hợp không còn đáp ứng các điều kiện cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo thì doanh nghiệp bổ sung tài sản đảm bảo theo chính sách cấp tín dụng của Ngân hàng tại mọi thời điểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Chủ sở hữu	Tại 31/12/2021		Tại 01/01/2021	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
Tổng Công ty Điện lực TP.HCM TNHH	29,65%	70.000.000.000	29,65%	70.000.000.000
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH	8,58%	20.250.000.000	8,58%	20.250.000.000
Tổng Công ty Địa ốc Sài Gòn	3,24%	7.650.000.000	3,24%	7.650.000.000
Công ty CP Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn	5,72%	13.500.000.000	5,72%	13.500.000.000
Công ty CP Bảo hiểm Viễn đông	4,38%	10.350.000.000	4,38%	10.350.000.000
Công ty CP Siêu Thanh	1,91%	4.500.000.000	1,91%	4.500.000.000
Cổ phiếu quỹ	8,34%	19.700.000.000	8,34%	19.700.000.000
Các cổ đông khác	38,18%	90.131.650.000	38,18%	90.131.650.000
Cộng	100%	236.081.650.000	100%	236.081.650.000

22.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	236.081.650.000	236.081.650.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	236.081.650.000	236.081.650.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	15.146.715.500

22.3 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2021 Cổ phiếu	Tại 01/01/2021 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.608.165	23.608.165
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.608.165	23.608.165
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	23.608.165	23.608.165
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	(1.970.000)	(1.970.000)
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(1.970.000)	(1.970.000)
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.638.165	21.638.165
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	21.638.165	21.638.165
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
* <i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

22.4 BẢNG ĐÓI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2020	236.081.650.000	(19.700.000.000)	1.803.514.172	16.903.282.885	235.088.447.057
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	137.998.587	137.998.587
- Phân phối lợi nhuận năm 2019	-	-	-	(15.980.040.424)	(15.980.040.424)
+ Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2019	-	-	-	(833.324.924)	(833.324.924)
+ Chia cổ tức năm 2019	-	-	-	(15.146.715.500)	(15.146.715.500)
Tại 31/12/2020	236.081.650.000	(19.700.000.000)	1.803.514.172	1.061.241.048	219.246.405.220
Tại 01/01/2021	236.081.650.000	(19.700.000.000)	1.803.514.172	1.061.241.048	219.246.405.220
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(4.570.723.887)	(4.570.723.887)
Tại 31/12/2021	236.081.650.000	(19.700.000.000)	1.803.514.172	(3.509.482.839)	214.675.681.333

23. KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG

	Tại 31/12/2021		Tại 01/01/2021	
	VND	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ
Ngoại tệ các loại				
Đô la Mỹ (USD)	1.585.804	69,89	1.585.804	69,89
Euro (EUR)	3.560.526	133,26	3.560.526	133,26

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu	121.377.250.930	180.676.994.253
- Doanh thu thương mại	41.204.942.318	34.665.976.193
- Doanh thu dịch vụ tư vấn	7.906.137.023	6.154.970.998
- Doanh thu dịch vụ xây lắp	72.266.171.589	139.856.047.062
Doanh thu với các bên liên quan	23.099.711.609	1.746.954.993

*(Xem chi tiết tại mục 36 Thuyết minh Báo cáo tài chính)***25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
- Giá vốn thương mại (*)	55.675.104.089	34.443.079.481
- Giá vốn dịch vụ tư vấn	5.295.574.918	4.597.415.785
- Giá vốn dịch vụ xây lắp	65.016.000.937	137.062.864.552
Cộng	125.986.679.944	176.103.359.818

() Trong đó bao gồm tổng chi phí bảo hành sản phẩm phát sinh trong năm 2020 Công ty ghi nhận vào năm 2021 là 12.447.461.540 đồng.***26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	345.454.541	1.529.236.940
Cổ tức, lợi nhuận được chia	300.000.000	190.282.000
Lãi dự án Tân Túc	5.802.295.851	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	22.462.627	-
Cộng	6.470.213.019	1.719.518.940

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí lãi vay	54.408.718	234.755.365
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang Xây lắp	19.260.372	521.119.514
Cộng	73.669.090	755.874.879

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.115.382.312	4.564.240.199
- Chi phí nhân viên quản lý	2.135.912.745	2.753.029.043
- Chi phí khấu hao TSCĐ	664.097.099	188.933.035
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dự phòng	3.686.357.855	539.404.835
- Chi phí bằng tiền khác	626.014.613	1.079.873.286

29. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi trả chậm Dự án Tân Túc	247.000.000	-
Xử lý công nợ	530.454.786	754.545.455
Tiền bồi thường tổn thất Công trình Trần Nãi	-	9.134.916
Thu nhập khác	-	11.270.376
Cộng	777.454.786	774.950.747

30. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản	-	706.538.332
Xử lý công nợ phải thu	19.911.276	12.453.167
Tiền truy thu thuế, chậm nộp thuế	-	10.774.609
Xóa nợ phải thu khó đòi	-	865.493.224
Cộng	19.911.276	1.595.259.332

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(4.570.723.887)	152.729.712
Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế	211.500.000	(47.507.391)
Các khoản điều chỉnh tăng	211.500.000	142.774.609
- Tiền truy thu thuế, chậm nộp thuế	-	10.774.609
- Thủ lao HĐQT và BKS không tham gia trực tiếp điều hành	211.500.000	132.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(190.282.000)
- Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	(190.282.000)
Tổng thu nhập tính thuế	(4.359.223.887)	105.222.321
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	21.044.464
Chi phí thuế TNDN được miễn giảm	-	(6.313.339)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	14.731.125

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(4.570.723.887)	137.998.587
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	21.638.165	21.638.165
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(211)	6

33. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm nên lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

34. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, CCDC	40.015.365.397	48.115.718.014
Chi phí nhân công	14.962.532.787	13.512.844.782
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.220.287.333	2.166.672.073
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	3.686.357.855	539.404.835
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.236.397.893	244.371.802.112
Chi phí bằng tiền khác	1.247.530.277	4.792.484.488
Cộng	119.371.471.542	313.501.926.304

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***35. BÁO CÁO BỘ PHẬN****Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:**

Năm 2021

	Thương mại VND	Dịch vụ tư vấn VND	Dịch vụ xây lắp VND	Cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	41.204.942.318	7.906.137.023	72.266.171.589	121.377.250.930
Giá vốn bộ phận	(55.675.104.089)	(5.295.574.918)	(65.016.000.937)	(125.986.679.944)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(14.470.161.771)	2.610.562.105	7.250.170.652	(4.609.429.014)
Chi phí quản lý doanh nghiệp				(7.115.382.312)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(11.724.811.326)
Doanh thu hoạt động tài chính				6.470.213.019
Chi phí tài chính				(73.669.090)
Thu nhập khác				777.454.786
Chi phí khác				(19.911.276)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế				(4.570.723.887)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(4.570.723.887)
Tổng Tài sản				335.908.147.762
Tổng Nợ phải trả				121.232.466.429

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp):

Năm 2020	Thương mại VND	Dịch vụ tư vấn VND	Dịch vụ xây lắp VND	Cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	34.665.976.193	6.154.970.998	139.856.047.062	180.676.994.253
Giá vốn bộ phận	(34.443.079.481)	(4.597.415.785)	(137.062.864.552)	(176.103.359.818)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	222.896.712	1.557.555.213	2.793.182.510	4.573.634.435
Chi phí quản lý doanh nghiệp				(4.564.240.199)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				9.394.236
Doanh thu hoạt động tài chính				1.719.518.940
Chi phí tài chính				(755.874.879)
Thu nhập khác				774.950.747
Chi phí khác				(1.595.259.332)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế				152.729.712
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(14.731.125)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				137.998.587
Tổng Tài sản				432.595.423.091
Tổng Nợ phải trả				213.349.017.871

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***36. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****36.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Mối quan hệ với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Tổng Công ty Điện lực TP.HCM TNHH	Cổ đồng
- CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện lực Duyên Hải	Cty cùng tập đoàn
- CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện lực Tân Bình	Cty cùng tập đoàn
- CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện lực Thủ Đức	Cty cùng tập đoàn
- CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện lực Gia Định	Cty cùng tập đoàn
- CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện lực Gò Vấp	Cty cùng tập đoàn
- CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện lực Phú Thọ	Cty cùng tập đoàn
- CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện lực Sài Gòn	Cty cùng tập đoàn
- CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện lực Thủ Thiêm	Cty cùng tập đoàn
- CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện lực Chợ Lớn	Cty cùng tập đoàn
- CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông	Cty cùng tập đoàn
- CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện lực Tân Thuận	Cty cùng tập đoàn
- CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện lực Củ Chi	Cty cùng tập đoàn
- CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện lực Bình Phú	Cty cùng tập đoàn
- CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện lực Bình Chánh	Cty cùng tập đoàn
- CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Cty Lưới điện Cao thế TP.HCM	Cty cùng tập đoàn
- CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty CNTT Điện lực TP.HCM	Cty cùng tập đoàn
- CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - BQLDA L&Đ Phân phối TP.HCM	Đvị cùng tập đoàn
- CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - TT Điều độ HT điện TP.HCM	Đvị cùng tập đoàn
- Công ty CP Điện cơ	Cty cùng tập đoàn
- Công ty CP Ba An	Bên liên quan
- Công ty CP Ba An - Tradincorp	Cty liên kết
- Ông Trần Ngọc Thạch	Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Thanh Quang	Ủy viên HĐQT

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
1. CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện lực Duyên Hải		
- Bán hàng, cung cấp dịch vụ	1.050.900.445	882.864.850
- Thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	889.638.501	719.835.222
2. CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện lực Tân Bình		
- Bán hàng, cung cấp dịch vụ	629.110.581	381.114.957
- Thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	271.564.904	472.645.897
3. CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện lực Gia Định		
- Bán hàng, cung cấp dịch vụ	2.077.986.145	164.368.069
- Thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	1.981.973.327	162.724.388
4. CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện lực Gò Vấp		
- Bán hàng, cung cấp dịch vụ	2.437.206.831	2.078.300.208
- Thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	2.692.598.045	1.782.790.401

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***36. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****36.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

<u>Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)</u>	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
5. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang Xây lắp		
- Bán hàng, cung cấp dịch vụ	1.095.622.627	775.504.517
- Thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	1.576.732.177	556.830.843
6. CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện lực Sài Gòn		
- Bán hàng, cung cấp dịch vụ	1.878.874.865	1.255.218.166
- Thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	2.003.515.639	1.456.887.827
7. CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện lực Thủ Thiêm		
- Bán hàng, cung cấp dịch vụ	2.167.362.296	207.447.408
- Thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	119.504.656	747.528.706
8. CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện lực Chợ Lớn		
- Bán hàng, cung cấp dịch vụ	5.661.668.788	2.888.104.016
- Thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	2.486.271.978	3.258.708.958
9. CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện lực Tân Thuận		
- Bán hàng, cung cấp dịch vụ	1.638.880.049	205.075.750
- Thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	3.265.130.054	205.075.750
- Mua hàng, dịch vụ	57.699.577	-
- Trả tiền mua hàng, dịch vụ	77.681.588	-
10. CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện lực Bình Phú		
- Bán hàng, cung cấp dịch vụ	-	1.137.727.155
- Thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	85.768.411	1.381.425.652
11. CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện lực Bình Chánh		
- Bán hàng, cung cấp dịch vụ	977.298.977	2.454.669.793
- Thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	1.748.394.760	2.344.126.887
12. CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Cty Lưới điện Cao thế TP.HCM		
- Bán hàng, cung cấp dịch vụ	7.919.582.746	-
- Thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	6.831.060.589	1.880.480.432
13. CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty CNTT Điện lực TP.HCM		
- Bán hàng, cung cấp dịch vụ	52.035.984	-
- Thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	57.239.582	-
14. CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - BQLDA LĐ Phân phối TP.HCM		
- Bán hàng, cung cấp dịch vụ	16.875.717.605	16.256.163.045
- Thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	13.227.056.084	29.265.806.319
15. Công ty CP Điện cơ		
- Mua hàng, dịch vụ	281.000.000	-
- Trả tiền mua hàng, dịch vụ	92.619.120	-
16. Công ty CP Ba An		
- Mua hàng, dịch vụ	-	20.535.014.500
- Thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	15.429.293.000	33.435.171.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

36. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

36.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

<u>Số dư với các bên liên quan</u>	Tại 31/12/2021	Tại 01/01/2021
	VND	VND
1. Tổng Công ty Điện lực TP.HCM TNHH		
- Phải thu của khách hàng	5.189.162.120	5.189.162.120
- Phải trả người bán	492.423.508	492.423.508
2. CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện lực Duyên Hải		
- Phải thu của khách hàng	640.361.616	374.009.627
3. CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện lực Tân Bình		
- Phải thu của khách hàng	496.844.914	76.947.710
- Người mua trả tiền trước	-	559.532
4. CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện lực Thủ Đức		
- Phải thu của khách hàng	20.188.179	-
- Người mua trả tiền trước	49.530.303	217.289.476
5. CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện lực Gia Định		
- Phải thu của khách hàng	321.891.921	18.080.488
6. CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện lực Gò Vấp		
- Phải thu của khách hàng	547.183.131	558.853.662
7. CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện lực Phú Thọ		
- Phải thu của khách hàng	-	381.067.051
8. CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện lực Sài Gòn		
- Phải thu của khách hàng	394.734.349	361.241.436
- Người mua trả tiền trước	-	6.598.225
9. CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện lực Thủ Thiêm		
- Phải thu của khách hàng	-	174.590.180
- Người mua trả tiền trước	-	505.526.730
10. CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện lực Chợ Lớn		
- Phải thu của khách hàng	464.210.909	-
11. CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông		
- Phải thu của khách hàng	1.660.485.996	92.263.729
- Người mua trả tiền trước	664.967.495	455.234
12. CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện lực Tân Thuận		
- Phải thu của khách hàng	148.007.750	1.606.409.750
- Người mua trả tiền trước	3.960.000	-
- Phải trả người bán	26.117.023	26.117.023
13. CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện lực Bình Phú		
- Phải thu của khách hàng	12.515.121	98.283.532
14. CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện lực Bình Chánh		
- Phải thu của khách hàng	356.009.885	356.009.885
15. CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Cty Lưới điện Cao thế TP.HCM		
- Người mua trả tiền trước	-	1.880.480.432
16. CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - BQLDA LĐ Phân phối TP.HCM		
- Phải thu của khách hàng	3.222.946.919	4.549.575.136
- Người mua trả tiền trước	-	6.802.575.531

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***36. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****36.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

<u>Số dư với các bên liên quan (tiếp)</u>	Tại 31/12/2021	Tại 01/01/2021
	VND	VND
17. CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - TT Điều độ hệ thống điện TP.HCM		
- Trả trước cho người bán	27.316.354	27.316.354
18. Công ty CP Điện cơ		
- Trả trước cho người bán	8.449.760	224.561.040
19. Công ty CP Ba An		
- Phải thu của khách hàng	-	15.309.371.000
- Phải trả người bán	166.296.900	166.296.900
20. Công ty CP Ba An - Tradincorp		
- Phải trả người bán	90.439.200	90.439.200
21. Ông Trần Ngọc Thạch		
- Phải thu khác	427.000.000	120.000.000
22. Ông Nguyễn Thanh Quang		
- Phải trả khác	4.015.000	4.015.000
<u>Thu nhập của HĐQT, BKS và Ban TGD</u>	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
- Thu nhập Hội đồng quản trị	646.260.000	732.260.000
+ Ông Trần Ngọc Thạch	422.260.000	492.260.000
+ Ông Nguyễn Thanh Quang	33.500.000	60.000.000
+ Ông Đặng Nguyễn Ngọc Nam	63.500.000	60.000.000
+ Bà Trương Ngô Sen	63.500.000	60.000.000
+ Bà Nguyễn Thị Kim Loan	63.500.000	60.000.000
- Thu nhập Ban Kiểm Soát	245.610.000	60.000.000
+ Bà Ngô Thị Bé Vân	161.110.000	-
+ Ông Nguyễn Việt Hùng	33.500.000	30.000.000
+ Bà Đinh Thị Hồng Vân	51.000.000	30.000.000
- Ban Tổng Giám đốc	590.574.999	353.775.191
+ Ông Nguyễn Đình Tân	302.660.000	-
+ Ông Nguyễn Thanh Quang	-	368.660.000
+ Ông Đặng Nguyễn Ngọc Nam	287.914.999	353.775.191
Cộng	1.482.444.999	1.146.035.191

36.2 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Không có khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

36.3 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***36. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****36.4 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty đã được kiểm toán.

Một số chỉ tiêu so sánh đã được trình bày lại cho phù hợp với nội dung chỉ tiêu/tài khoản, chi tiết như sau:

Chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán	Mã số	Tại ngày 31/12/2020 (Đã kiểm toán) VND	Phân loại lại VND	Tại ngày 31/12/2020 (Sau phân loại lại) VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	156.807.796.725	(52.637.544.498)	104.170.252.227
Phải thu ngắn hạn khác	136	8.167.941.560	17.221.332.672	25.389.274.232
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(2.092.492.271)	(2.596.479.672)	(4.688.971.943)
Hàng tồn kho	141	141.349.992.222	(3.618.900.000)	137.731.092.222
Phải thu dài hạn khác	216	61.902.331.161	(29.624.853.000)	32.277.478.161
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14.449.286.393	33.700.034.833	48.149.321.226
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15.136.974.463	(3.618.900.000)	11.518.074.463
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	86.337.579.331	(86.337.579.331)	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	34.800.561.199	(15.000.000.000)	19.800.561.199

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Lê Uyên

Lê Uyên

Phụ trách Ban Tài chính -
Kế toán

Hồ Thị Ngọc Hà

Hồ Thị Ngọc Hà

Phó Tổng Giám đốc

Dương Nguyễn Ngọc Nam

